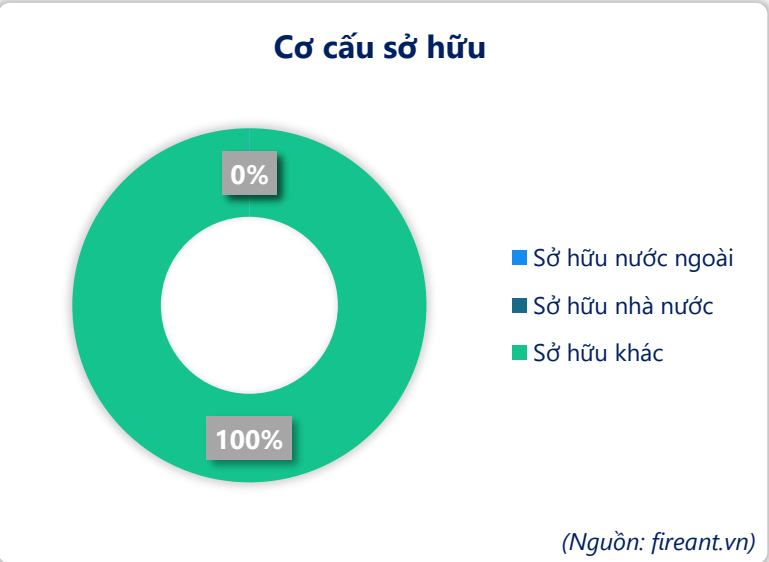
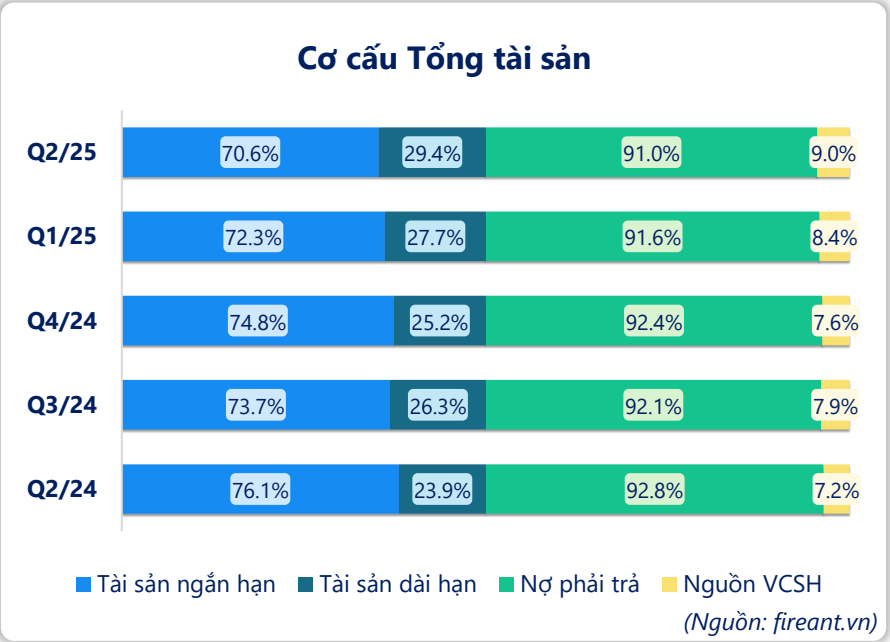
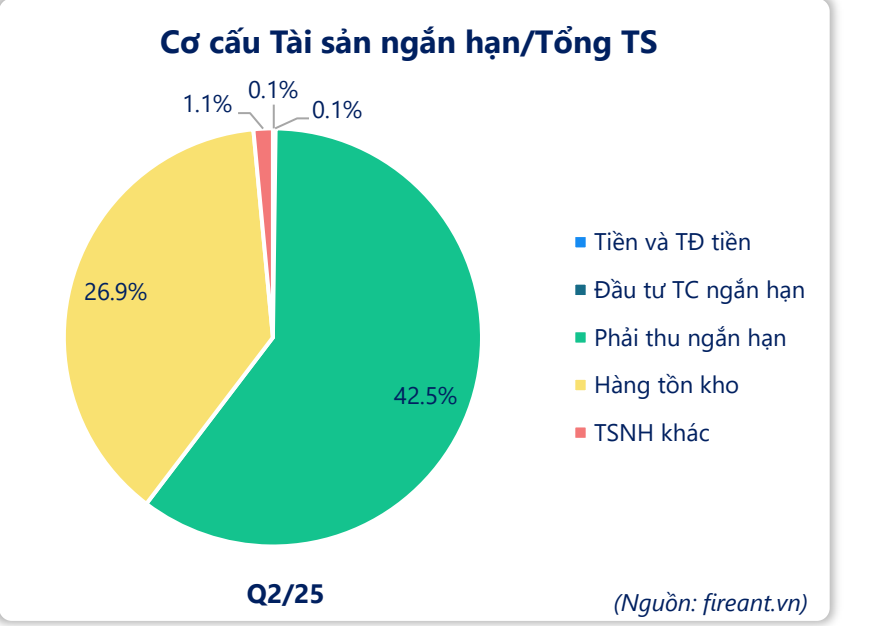
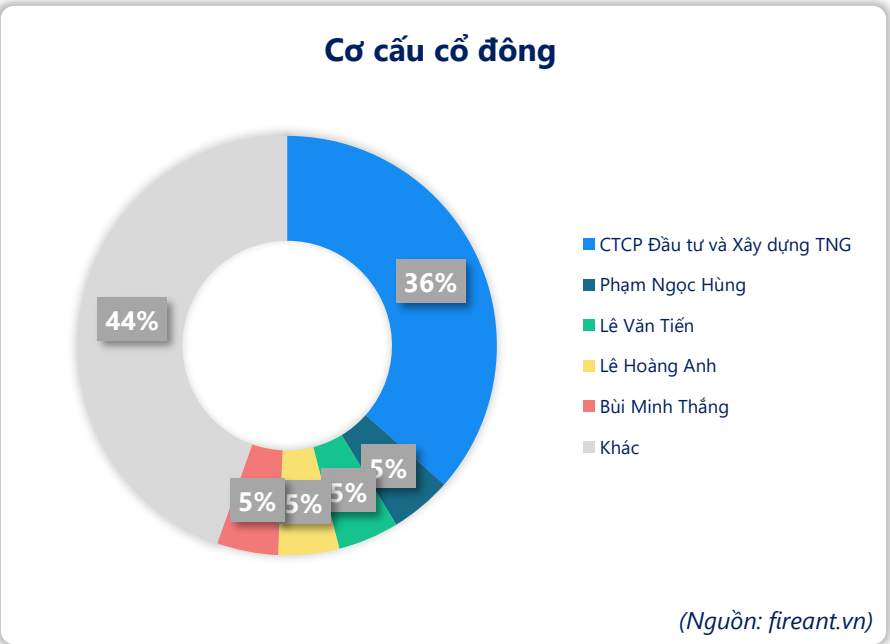
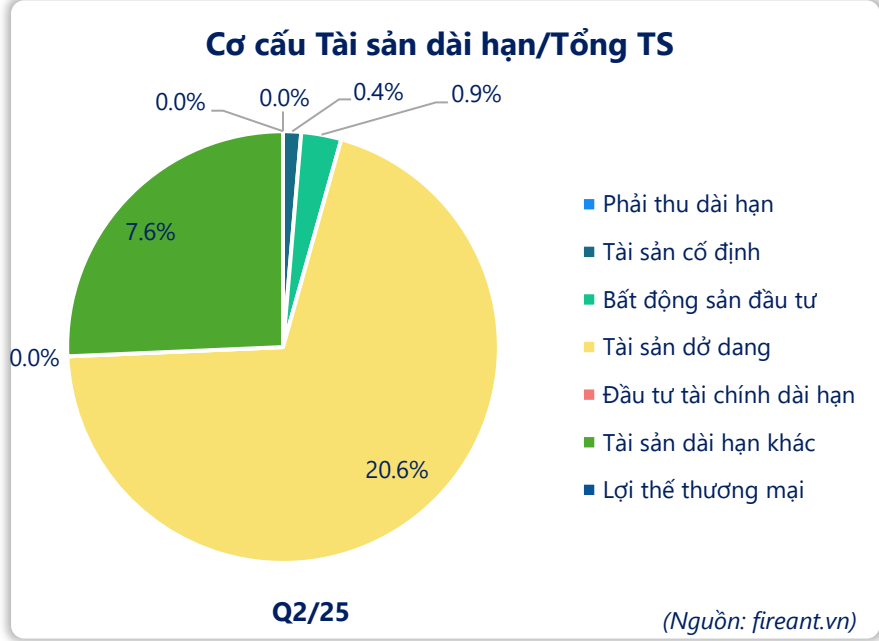
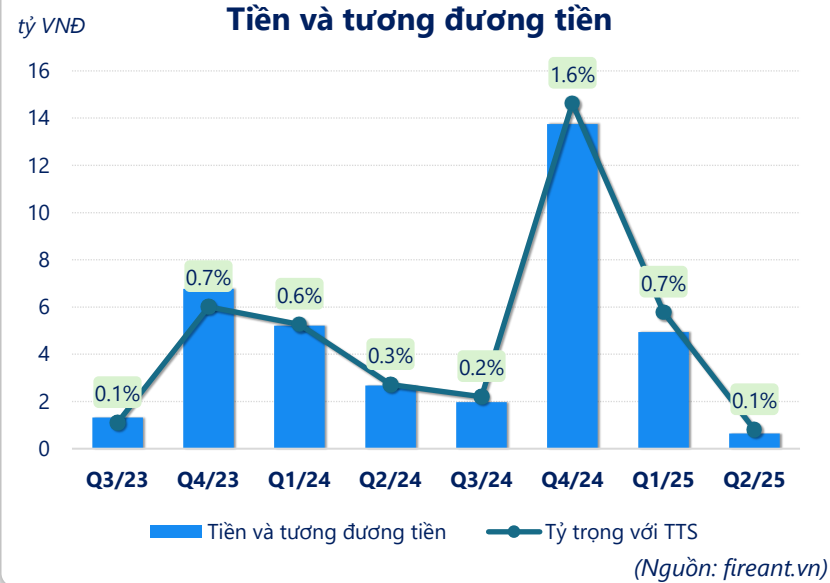
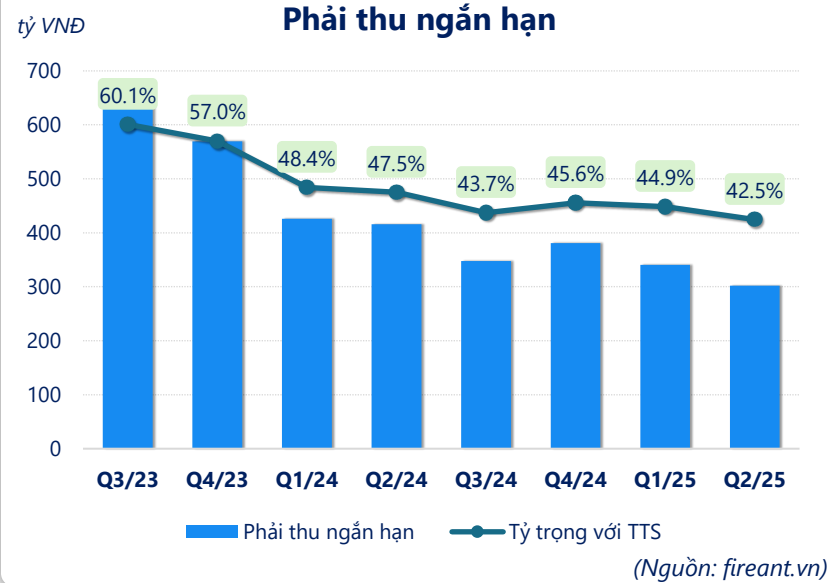
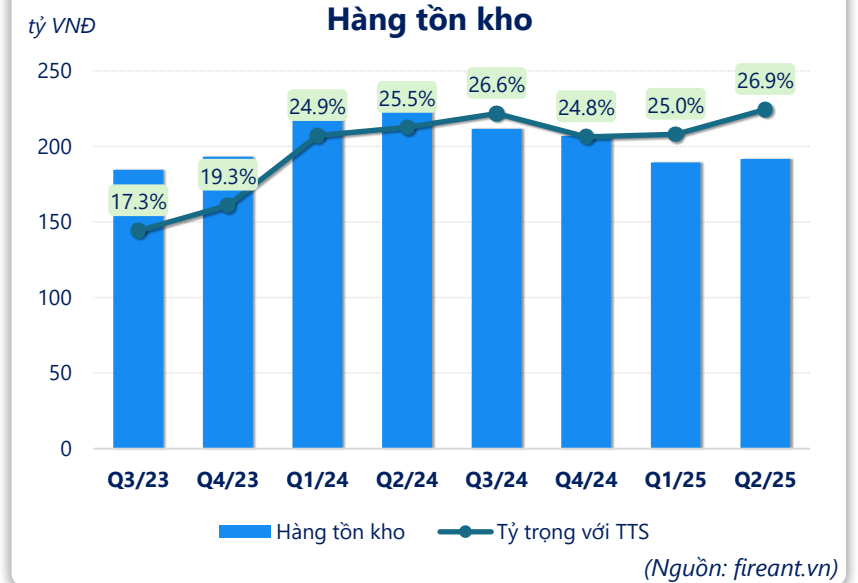
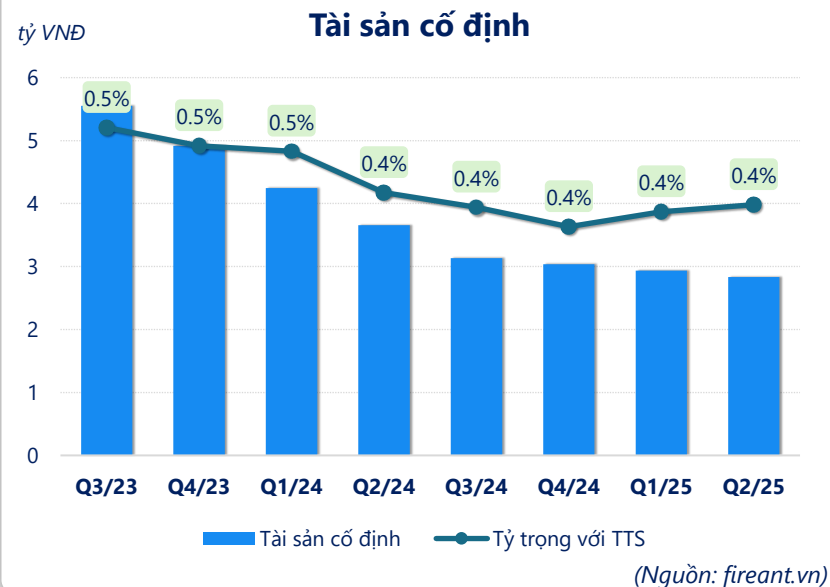
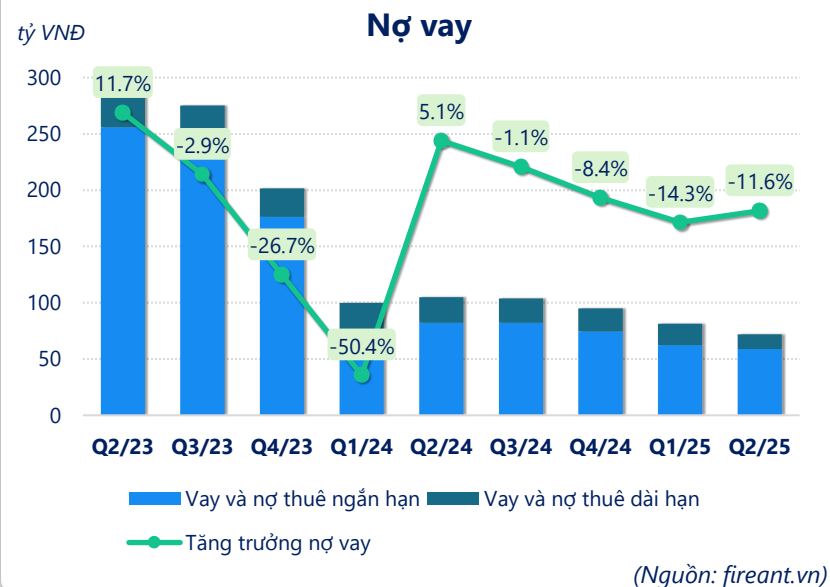
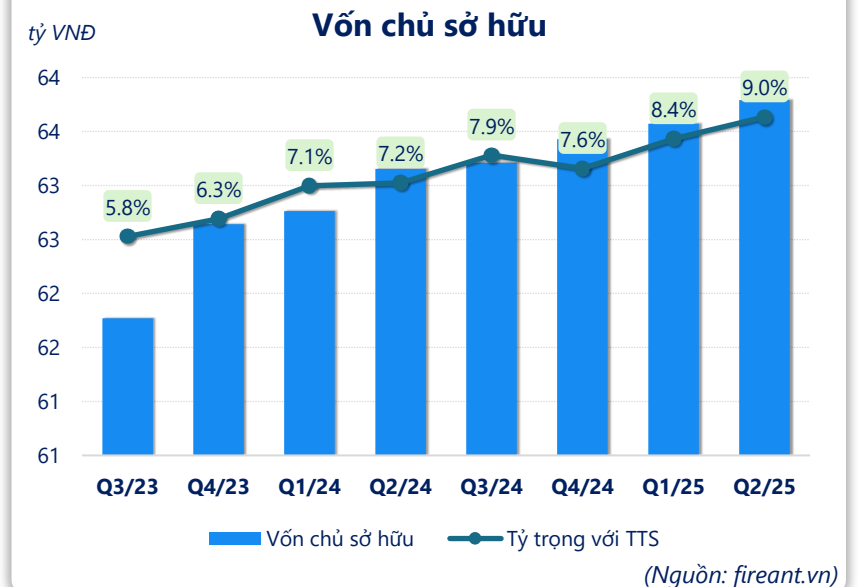
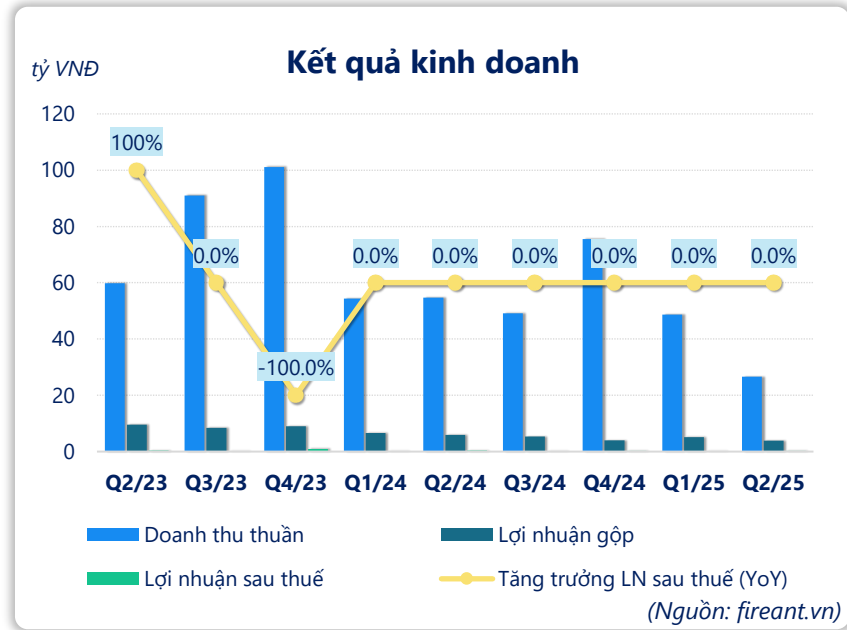
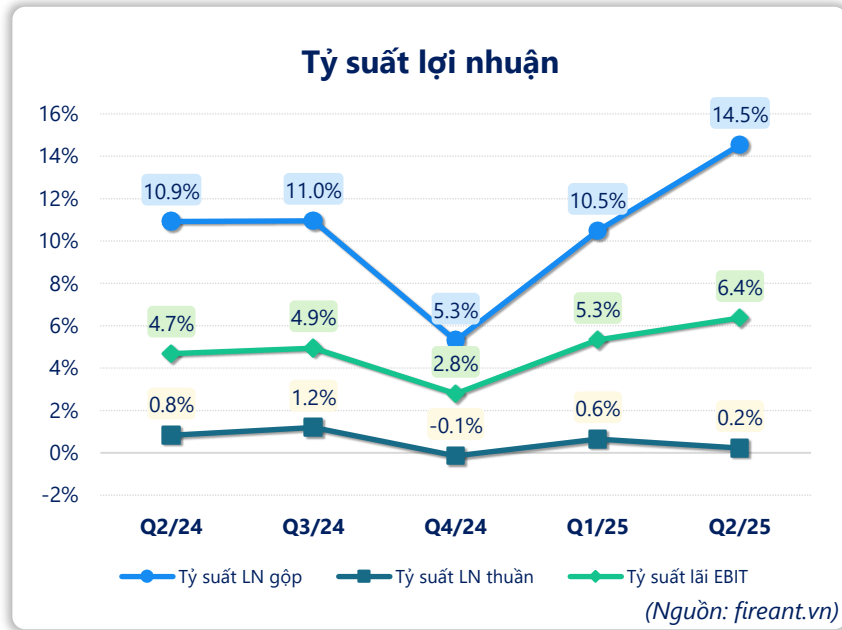
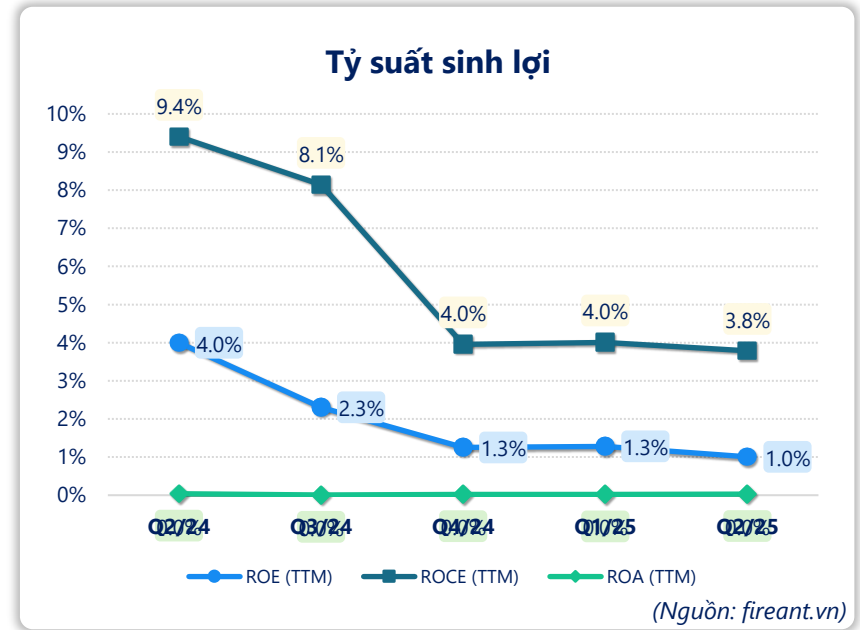
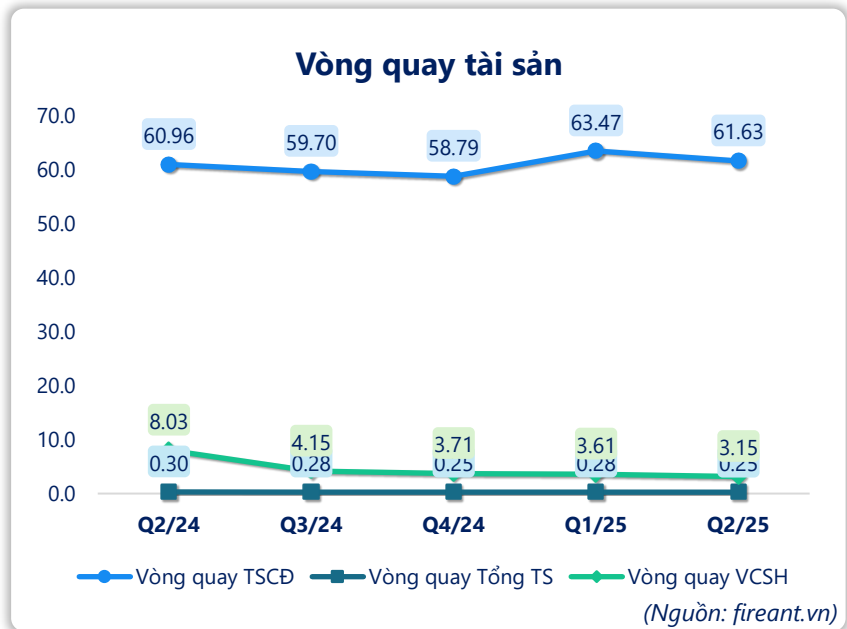
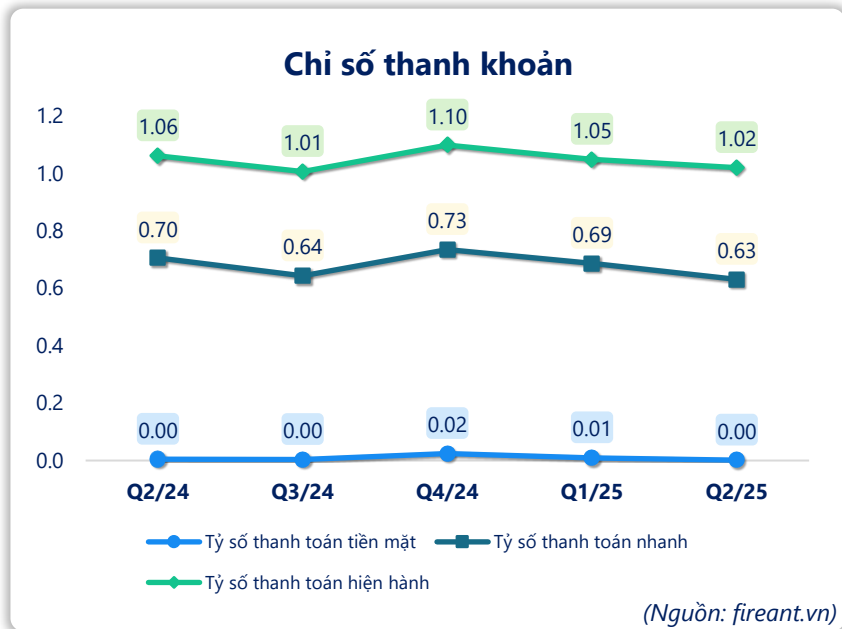
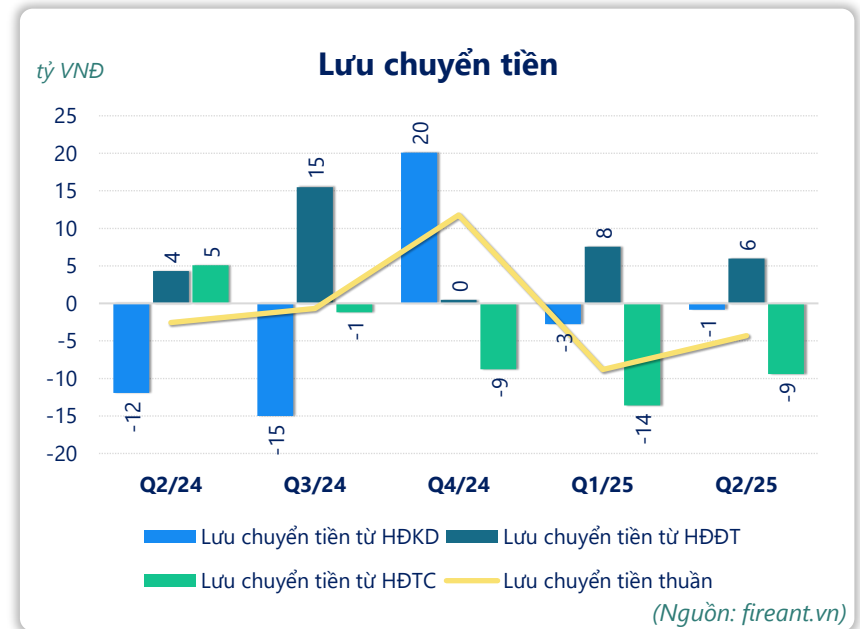


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		4,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,800
SL cổ phiếu LH		16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)		10,330
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		67
P/E		104.5
EPS		38

	YTD	1T	3T	6T
VC9	-14.9%	-2.4%	-9.1%	-16.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	712	834	-14.6%
Tài sản ngắn hạn	503	623	-19.4%
Tiền và tương đương tiền	0.64	13.7	-95.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	13.3	-97.0%
Phải thu ngắn hạn	302	380	-20.3%
Hàng tồn kho	192	207	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	7.51	9.78	-23.2%
Tài sản dài hạn	209	211	-0.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.84	3.03	-6.6%
Bất động sản đầu tư	6.29	6.39	-1.5%
Tài sản dở dang	147	147	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	53.8	54.9	-2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	648	771	-15.9%
Nợ ngắn hạn	493	568	-13.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	58.8	74.6	-21.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	197	214	-8.1%
Nợ dài hạn	155	203	-23.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	13.2	20.4	-35.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	63.8	63.4	0.6%
Vốn chủ sở hữu	63.8	63.4	0.6%
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	54.7	49.1	75.5	48.7	26.7
Giá vốn hàng bán	48.7	43.7	71.5	43.6	22.8
Lợi nhuận gộp	5.97	5.38	4.00	5.10	3.88
Doanh thu HĐTC	0.27	0.32	0.14	0.48	-0.04
Chi phí TC	2.17	2.37	1.89	2.45	1.48
Chi phí lãi vay	2.17	2.37	1.89	2.45	1.48
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	3.62	2.74	2.37	2.82	2.29
LN thuần từ HĐKD	0.45	0.59	-0.11	0.32	0.06
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.53	0.33	-0.17	0.16
LN trước thuế	0.39	0.06	0.22	0.14	0.22
Lợi nhuận sau thuế	0.39	0.06	0.22	0.14	0.22
LNST của CĐ cty mẹ	0.39	0.06	0.22	0.14	0.22

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.9	-15.0	20.1	-2.78	-0.86
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.31	15.5	0.48	7.55	5.98
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.07	-1.19	-8.77	-13.6	-9.41
Tiền đầu kỳ	5.21	2.67	1.97	13.7	4.93
Lưu chuyển tiền thuần	-2.54	-0.70	11.8	-8.82	-4.29
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.67	1.97	13.7	4.93	0.64

(Nguồn: fireant.vn)